

CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PRODUCTION COST ACCOUNTING AND CALCULATING PRICE COST AT THE AGRICULTURAL COOPERATIVES IN QUANG NGAI PROVINCE: SITUATION AND SOLUTIONS

Ngày nhận bài : 25/9/2020 **ThS. Nguyễn Thị Thủy Hương - ThS. Nguyễn Thị Minh Tâm**
 Ngày nhận kết quả phản biện : 14/12/2020 *Trường Đại học Tài chính - Kế toán*
 Ngày duyệt đăng : 27/5/2021

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất (CPSX) và tính giá thành sản phẩm (GTSP) tại các Hợp tác xã nông nghiệp (HTX NN) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tác giả đánh giá thực trạng công tác kế toán CPSX và tính giá thành của các hoạt động: Dịch vụ thủy lợi tưới tiêu; hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp; dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp và bao tiêu sản phẩm cho các hộ; dịch vụ làm đất. Kết quả đánh giá cho thấy công tác kế toán tại các HTX NN còn nhiều vấn đề tồn tại từ khâu tổ chức bộ máy kế toán, đến việc xử lý công tác kế toán, kiểm tra kế toán, trong đó công tác kế toán CPSX và tính GTSP tại các HTX NN có một số hạn chế. Từ đó, tác giả đã đề xuất những giải pháp hoàn thiện kế toán CPSX và tính GTSP tại các HTX NN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Từ khóa: *Hợp tác xã nông nghiệp, kế toán CPSX, giá thành, Quảng Ngãi.*

ABSTRACT

This paper studies and assesses the reality of production cost accounting and calculating cost price at Agricultural Cooperatives in Quang Ngai province. The author assesses the actual status of production cost accounting and the cost calculation of the following activities: Irrigation and irrigation services; agricultural and forestry production activities; services of supplying agricultural materials and product consumption for households; agricultural, soil preparation services. The evaluation results show that the accounting work in agricultural cooperatives still has many problems from the organization of the accounting apparatus to the handling of accounting work, accounting inspection, in which the production cost accounting and calculating cost price in agricultural cooperatives have some limitations. Since then, some solutions to improve production cost accounting and cost price calculation at agricultural cooperatives in Quang Ngai province are proposed.

Key words: *Agricultural cooperatives, production cost accounting, cost price, Quang Ngai.*

1. Đặt vấn đề

CPSX và GTSP là hai chỉ tiêu rất quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp. Nó có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). Vì vậy, nếu doanh nghiệp tổ chức kế toán CPSX, tính GTSP một cách hợp lý, đúng đắn và khoa học thì sẽ góp phần tăng cường quản lý tài sản vật tư lao động, tiền vốn của doanh nghiệp một cách hiệu quả. Một trong những yếu tố tăng lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp đó là tiết kiệm chi phí hạ thấp GTSP, bởi GTSP làm cơ sở để định giá bán, là căn cứ để xác định kết quả kinh doanh (KQKD) của doanh nghiệp. Đồng thời, kế toán CPSX và tính GTSP chi phối đến chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Có thể nói kế toán CPSX và tính GTSP là khâu quan trọng, trọng tâm của toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp sản xuất nói chung.

Đối với HTX NN, công tác kế toán CPSX và tính GTSP không chỉ giúp cho Hội đồng quản trị, giám đốc kiểm soát CPSX phát sinh hợp lý và GTSP là tối ưu nhất, mà nó có ý nghĩa hết sức quan trọng và to lớn trong việc nâng cao hiệu quả quản lý tại HTX NN và góp phần giúp cho sự phát triển của HTX NN đứng vững trên thị trường.

2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại HTX NN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CPSX tại các HTX NN gồm nhiều loại, tùy thuộc vào các hoạt động, dịch vụ. Kế toán tại các HTX NN đã căn cứ vào đặc điểm của sản xuất và dịch vụ để xác định đối tượng tập hợp CPSX và đối tượng tính giá thành, mở sổ chi tiết theo dõi chi phí phát sinh theo từng đối tượng: Theo địa điểm phát sinh chi phí (tổ, đội sản xuất,...), chi tiết theo từng loại cây, từng loại sản phẩm, từng sản phẩm hoặc dịch vụ. Kế toán mở các sổ chi tiết theo dõi như: Sổ chi tiết chi phí SXKD dịch vụ thủy lợi; Sổ chi tiết chi phí SXKD giống cây keo hom; Sổ chi tiết chi phí dịch vụ lúa giống;...

Đối tượng tính GTSP tại các HTX NN: Tùy theo hoạt động sản xuất, đối tượng tính GTSP khác nhau: Giá thành tưới tiêu 1 ha diện tích; Giá thành làm đất 1 ha diện tích (hoặc tính theo sào); Giá thành 1kg lúa giống; Giá thành 1 cây keo con; Giá thành 1kg khoai lang;...

Về phương pháp tính GTSP: Kế toán HTX NN xác định giá thành thực tế của sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ theo phương pháp trực tiếp (giản đơn), phương pháp tỷ lệ, phương pháp hệ số. Theo khảo sát thì 85% HTX NN sử dụng phương pháp giản đơn (trực tiếp) để tính giá thành, 10% dùng phương pháp tỷ lệ, 5% dùng phương pháp hệ số.

Kỳ tính giá thành theo vụ, hoặc theo năm.

Tài khoản kế toán sử dụng: TK 154 - Chi phí SXKD dở dang. Tuy nhiên, nhiều HTX NN không sử dụng tập hợp CPSX tính GTSP trên TK 154 mà sử dụng TK 632 để tập hợp CPSX và được hạch toán chi tiết theo từng hoạt động sản xuất của đơn vị.

Tác giả trình bày một số nội dung, cách xử lý kế toán của một số ngành nghề, dịch vụ tại các HTX NN tác giả đã khảo sát như sau:

a) Dịch vụ thủy lợi tưới tiêu nước:

Nội dung chi phí: Tiền nước phải trả cho các công ty thủy nông; tiền điện, xăng dầu chạy máy bơm; khấu hao trạm bơm và hệ thống kênh mương dẫn nước; chi phí nạo vét, sửa chữa hệ thống kênh mương; chi phí sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn trạm bơm, máy bơm; tiền công lao động trả cho thành viên vận hành máy và điều phối nước; các khoản chi phí trực tiếp khác... Dịch vụ tưới tiêu cuối năm không có dở dang. Đầu năm, các HTX NN lập dự toán theo diện tích tưới tiêu, đơn giá Nhà nước quy định, để xác định tổng chi phí thủy lợi kế hoạch. HTX NN ký hợp đồng với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện về kinh phí thủy lợi phí (đây là khoản được Nhà nước cấp bù). Kinh phí sẽ được phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp từng đợt tương ứng các vụ Hè Thu; Đông Xuân.

Chứng từ kế toán sử dụng: Phiếu chi; Phiếu xuất kho vật tư; Bảng thanh toán tiền công; Bảng quyết toán kinh phí;...

Trong năm, khi phát sinh các chi phí thủy lợi, kế toán căn cứ các chứng từ hạch toán chi phí vào các sổ chi tiết cho từng hệ thống thủy lợi. Phần lớn, kế toán các HTX NN tập hợp các loại chi phí này vào TK 154 - chi tiết theo đối tượng. Tuy nhiên, nhiều HTX NN không tập hợp trên TK 154, mà mở sổ chi tiết TK 632 để theo dõi chi phí phát sinh từng hệ thống thủy lợi, theo dõi giá thành của dịch vụ tưới tiêu. Khi quyết toán với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện, kinh phí được cấp, kế toán ghi nhận doanh thu. Cuối kỳ kết chuyển xác định KQKD.

b) Dịch vụ làm đất: Kế toán tập hợp SPSX và tính giá thành theo phương pháp giản đơn, mở Sổ

chi tiết TK 154 - chi phí làm đất, theo dõi các chi phí phát sinh: Chi phí xăng, dầu; chi phí nhân công; khấu hao máy làm đất; chi phí công cụ dụng cụ,... Cuối kỳ tổng hợp tính giá thành và kết chuyển xác định giá vốn hàng bán.

c) *Dịch vụ phòng trừ sâu bệnh*, chi phí phát sinh gồm: Các loại thuốc sử dụng phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; nhiên liệu chạy máy phun thuốc sâu; khấu hao máy bơm thuốc sâu; chi phí dụng cụ cầm tay, quần áo, dụng cụ phòng hộ lao động; chi phí sửa chữa máy bơm và bình bơm thuốc trừ sâu; chi phí tiền công lao động và các khoản bồi dưỡng độc hại; các khoản chi phí trực tiếp khác. Dịch vụ này cuối năm không có dở dang. Kế toán mở sổ theo dõi chi phí phát sinh, cuối kỳ kết chuyển xác định giá vốn tương tự như dịch vụ làm đất.

d) *Hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp (chủ yếu là cây keo hom)*, CPSX phát sinh gồm: Giống; Phân bón; CP phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; CP làm đất; CP tưới nước; tiền công lao động; chi phí công cụ, dụng cụ; khấu hao tài sản cố định và chi phí sửa chữa tài sản chuyên dùng cho sản xuất; các khoản chi phí trực tiếp khác. Hoạt động sản xuất cung cấp giống cây keo hom cuối năm có sản phẩm dở dang (chi phí chuyển sang năm sau).

Chi phí phát sinh theo các giai đoạn của quy trình sản xuất giống cây keo hom

	Chi phí
Vườn ươm Cây mẹ (gốc mô)	Làm đất ban đầu; giống; chăm sóc (Cắt tỉa, tưới tiêu, phân bón, công cụ dụng cụ,...); đôn tạo chồi;
Mầm (cây hom)	Bao bì; làm đất giâm; chiết mầm; giâm hom; bạt phủ che; tía chồi bất định; chăm sóc; chi phí thu hoạch;
Thời gian từ cây đầu dòng đến lúc chiết mầm giâm hom: 2 tháng; các đợt chiết mầm tiếp theo cách nhau 25-30 ngày; thời gian giâm hom đến lúc bán: 3 tháng.	

HTX NN mua cây đầu dòng (cây mô), trồng chăm sóc cây mô khoảng 2 tháng trở lên bắt đầu cắt mầm hom lứa đầu tiên để giâm vào bì đất. Các đợt cắt hom tiếp theo khoảng 25-30 ngày/đợt. Chu kỳ khai thác cây mô khoảng 3 năm. Tổng đợt khai thác chiết mầm keo hom toàn chu kỳ khai thác khoảng 30-36 đợt chiết. Năng suất khai thác mỗi cây mô chiết được 6-7 mầm/ đợt. Thời gian giâm mầm hom vào bì đất chăm sóc khoảng 3 tháng để bán cây hom trồng rừng. Như vậy, những đợt giâm hom bắt đầu từ tháng 9, tháng 10 sẽ được bán vào vụ xuân năm sau. Do đó, quá trình sản xuất giống keo hom tại các HTX NN có chi phí chuyển sang năm sau (CPSX kinh doanh dở dang cuối năm).

Kế toán tập hợp các chi phí trên vào TK 154, nhiều HTX tập hợp vào TK 632, theo từng vụ hoặc theo năm.

Đối với chi phí giai đoạn ban đầu phát sinh hình thành vườn ươm, qua khảo sát cho thấy, phần lớn kế toán hạch toán hết chi phí này trong năm đầu tiên mà không phân bổ đều cho các năm khai thác sau. Một số HTX NN cũng phân bổ đều trong các năm khai thác, tuy nhiên, khi tập hợp chi phí ban đầu kế toán tập hợp vào TK 154 (chứ không theo dõi trên TK chi phí trả trước). Sau đó, tính toán kết chuyển tính giá thành thì trừ phần chi phí chưa phân bổ, số chi phí chưa phân bổ xem như là chi phí dở dang, chuyển sang năm sau. Một số HTX NN theo dõi chi phí ban đầu này trên TK 632, cuối năm kết chuyển chi phí còn lại chưa phân bổ từ TK 632 sang TK 154 để theo dõi chi phí dở dang cuối kỳ.

Kế toán tính giá thành cây keo hom theo phương pháp giản đơn. Căn cứ vào các sổ chi tiết theo dõi chi phí theo tháng (TK 154), trong đó chi tiết chi phí theo từng nội dung kinh tế, tổng cộng chi phí theo nội dung chi phí phát sinh, tính tổng giá thành keo con như sau:

Tổng giá thành cây keo con trong năm đầu tiên = Tổng chi phí phát sinh trong năm (bao gồm chi phí ban đầu) - Chi phí phát sinh của các mầm hom chưa thu.

Trong đó, chi phí của các phát sinh của đợt mầm chưa thu hoạch kế toán mở sổ theo dõi riêng từ khi cắt mầm.

Giá thành 1 cây keo con = Tổng giá thành/ số lượng cây keo con đã thu hoạch.

Kế toán kết chuyển GT vào TK 632 để xác định GVHB, xác định kết quả kinh doanh.

e) *Hoạt động sản xuất các loại cây ngắn ngày* như: Dưa hấu, lúa, rau sạch,... : Kế toán tại các HTX mở sổ theo dõi như trường hợp dịch vụ làm đất.

g) *Dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp (lúa giống) và bao tiêu sản phẩm cho các hộ* gồm các khoản chi phí phát sinh sau: Các khoản chi về vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng hóa (lúa giống) từ nơi mua về kho HTX và các khoản chi phí liên quan đến việc tiêu thụ vật tư, hàng hóa; khấu hao nhà kho; tiền công cán bộ, thành viên trực tiếp hoạt động dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; các khoản chi phí trực tiếp khác. Dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp cuối năm không có dở dang.

Hiện tại, các HTX NN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện hoạt động dịch vụ này bao gồm hai trường hợp sau:

Trường hợp 1: HTX NN đi mua giống mới ở công ty giống cây trồng về bán cho các hộ. Khi mua hạt giống về nhập kho, hạch toán tăng giá trị hàng hóa; Khi xuất bán ghi nhận giá vốn hàng bán, ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Trường hợp 2: HTX NN nhận giống mới về giao cho một số hộ có kinh nghiệm để sản xuất nhân giống. Tùy theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa HTX NN với các hộ sản xuất giống mà HTX NN có thể đầu tư thêm chi phí cho các hộ và mua lại toàn bộ số giống của các hộ sản xuất ra để cung cấp đại trà. Đối với giá mua của vật tư, hàng hóa và sản phẩm nhận bao tiêu cho các hộ, nhiều kế toán HTX NN không phản ánh vào chi phí dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp mà mở sổ theo dõi TK 632: Giá mua ngoài giống về giao cho các hộ thành viên sản xuất và các chi phí phải trả cho các thành viên sản xuất giống. Khi các thành viên hoàn thành, giao trả lại giống cho HTX: Một số HTX NN chỉ theo dõi về mặt lượng, trị giá vốn đã tập hợp hạch toán từ đầu trên TK 632. Khi bán số giống này, kế toán theo dõi Doanh thu. Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán để xác định KQKD.

3. Đánh giá thực trạng công tác kế toán CPSX và tính GTSP tại HTX NN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- Việc tập hợp CPSX và tính giá thành dịch vụ thủy lợi phí tại một số HTX NN theo đúng Thông tư hướng dẫn. Tuy nhiên, nhiều kế toán HTX NN hạch toán chưa phù hợp với trình tự tập hợp CPSX và tính GTSP.

- Đối với kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP nông nghiệp là cây keo con: Kế toán không phân bổ chi phí giai đoạn đầu hình thành vườn ươm cho các năm khai thác sau, mà toàn bộ chi phí ban đầu kế toán mà hạch toán hết trong năm, dẫn đến giá thành năm đầu tiên sẽ tăng. Rõ ràng, nguyên tắc phù hợp không được ghi nhận trong tình huống này. Đây là điều cần khắc phục trong công tác kế toán tại các HTX NN. Những HTX NN theo dõi chi phí ban đầu này trên TK 154, TK 632 là chưa hợp lý. Các HTX không phân loại CPSX để theo dõi chi tiết theo từng khoản mục chi phí hay từng yếu tố chi phí để quản lý chi phí.

Đối với việc xác định chi phí chuyển sang năm sau tương ứng số lượng sản phẩm nông nghiệp ước thu còn cuối năm, tại các HTX NN chưa có phương pháp xác định chi phí dở dang hợp lý, việc xác định chi phí chuyển sang năm sau chưa đầy đủ chi phí: Một là, nếu HTX NN nào không phân bổ chi phí ban đầu mà tính hết trong năm thu hoạch đầu tiên thì phần chi phí chuyển sang năm sau kế toán chỉ mở sổ theo dõi riêng của vụ còn làm dở bao gồm chi phí chăm sóc của số sản phẩm dở dang này. Hai là, nếu HTX NN nào theo dõi chi phí ban đầu trên TK 154 thì tổng chi phí chuyển sang năm sau

cũng không phù hợp (chi phí lớn hơn so với giá trị của sản lượng chưa thu hoạch).

- Việc hạch toán trường hợp cung cấp giống và bao tiêu sản phẩm: Kế toán không mở sổ theo dõi chi phí phát sinh mà theo dõi tất cả vào giá vốn hàng bán là chưa thật sự hợp lý.

- Hầu hết các HTX NN không xây dựng giá thành kế hoạch. Do đó, việc thu hoạch trong kỳ chỉ phản ánh doanh thu. Cuối vụ, hoặc cuối năm kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thành, lúc này mới phản ánh giá vốn hàng bán theo giá thành thực tế.

4. Hoàn thiện công tác kế toán tổng hợp CPSX và tính GT tại HTX NN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- Hoàn thiện việc tập hợp CPSX của dịch vụ thủy lợi:

Kế toán phải sử dụng TK 154 - chi phí SXKD dở dang (không sử dụng TK 632) để ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong năm của dịch vụ thủy lợi như: Chi phí tu bổ, nạo vét kênh mương dẫn nước (sửa chữa tu bổ thường xuyên); tiền công; mua phụ tùng thay thế máy bơm, trạm bơm; trả tiền điện,... Mua xăng, dầu sử dụng cho máy bơm. Tính khấu hao kênh mương dẫn nước. Phân bổ dần chi phí trả trước vào CPSX trong năm (phân bổ chi phí trạm bơm; máy bơm; chi phí sửa chữa lớn kênh mương, máy bơm, trạm bơm). Cuối kỳ, để xác định dịch vụ tưới tiêu nước hoàn thành, kế toán kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 - Giá vốn hàng bán. Kế toán HTX NN cần tính toán tập hợp phân bổ từng loại chi phí theo đúng đối tượng tập hợp chi phí. Cung cấp thông tin về CPSX và xác định chính xác chi phí cho sản phẩm dở dang cuối kỳ. Chi phí chi ra trong năm nay nhưng năm sau mới thu hoạch sản phẩm thì năm sau mới tính giá thành và chi phí chi ra trong năm trước nhưng liên quan đến khối lượng hoàn thành trong năm nay thì được tính vào giá thành của dịch vụ hoàn thành.

- Hoàn thiện tập hợp CPSX và tính giá thành cây keo con tại một số HTX NN::

- Đối tượng tập hợp chi phí: Vườn ươm; đối tượng tính giá thành: 1 cây keo con.

- Dựa vào quy trình sản xuất giống cây keo hom, kế toán nên hạch toán theo dõi chi phí qua hai giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn ban đầu: Từ lúc mua giống cây mô, trồng chăm sóc sau 2 tháng bắt đầu khai thác chiết mầm hom. Chi phí phát sinh giai đoạn này là chi phí hình thành vườn giống ban đầu. Do vậy, kế toán tại các HTX NN nên mở sổ theo dõi hạch toán chi phí ban đầu, ghi nhận vào “Chi phí trả trước”, tài khoản kế toán sử dụng: TK 242- chi tiết chi phí trả trước dài hạn, sau đó, kế toán phân bổ chi phí này vào CPSX cho các thời kỳ khai thác. Có thể phân bổ theo năm (nếu kỳ tính giá thành là năm); phân bổ theo đợt chiết mầm (nếu kỳ tính giá thành theo đợt chiết mầm).

Chi phí phát sinh giai đoạn hình thành vườn ươm: Nợ TK 242/ Có TK 111, 152, 334...

Từng kỳ, phân bổ chi phí ban đầu vườn ươm: Nợ TK 154/ Có TK 242

+ Giai đoạn chăm sóc: Kế toán mở sổ theo dõi các chi phí chăm sóc, thu hoạch liên quan đến kỳ tập hợp chi phí (vụ, hoặc năm).

+ Cuối kỳ, kế toán xác định chi phí chuyển sang năm sau và tính giá thành 1 cây keo con:

$$\text{CP chuyển sang năm sau} = \frac{\text{Tổng CP phát sinh - CP thu hoạch}}{\text{SL cây keo con thu hoạch trong năm} + \text{SL keo con ước tính thu hoạch năm sau}} \times \text{SL keo con ước tính thu hoạch năm sau}$$

Toàn bộ chi phí thu hoạch được tính vào giá thành của cây hom hoàn thành bán trong vụ này:

$$\text{Giá thành 1cây keo con} = \frac{\text{Tổng CP phát sinh - CP chuyển sang năm sau}}{\text{SL cây keo con thu hoạch trong năm}}$$

- Hoàn thiện hạch toán kế toán trong trường hợp cung cấp giống và bao tiêu sản phẩm:

- Khi HTX NN nhận giống do mua ngoài về giao cho các thành viên sản xuất:

Nợ TK 154 - Chi phí SXKD dở dang (Chi tiết dịch vụ cung cấp giống)

Có các TK 111, 331.

- Các chi phí HTX phải trả cho các thành viên, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí SXKD dở dang

Có các TK 111, 331.

- Khi các thành viên giao lúa trả lại cho HTX, ghi:

Nợ TK 156 - Thành phẩm, hàng hóa

Có TK 154 - Chi phí SXKD dở dang

Có TK 111_ Tiền mặt (Nếu trả thêm tiền).

- Khi HTX xuất lúa bán:

+ Phản ánh giá vốn:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Thành phẩm, hàng hóa.

+ Phản ánh doanh thu:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Bán thu tiền ngay),

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu hoạt động SXKD

- Về giá thành kế hoạch: Các HTX NN nên xây dựng giá thành định mức hay giá thành kế hoạch. Trong kỳ, khi sản phẩm hoàn thành, kế toán phản ánh đồng thời doanh thu theo giá bán và giá vốn hàng bán theo giá thành kế hoạch hay giá thành định mức. Cuối kỳ, sau khi tính giá thành thực tế, kế toán điều chỉnh phần chênh lệch giữa giá thành kế hoạch và giá thành thực tế.

5. Kết luận

Bài viết đã nêu thực trạng công tác kế toán CPSX và tính GTSP các HTXNN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể các hoạt động: Thủy lợi tưới tiêu, làm đất, sản xuất nông nghiệp (chủ yếu cây keo hom), dịch vụ cung cấp và bao tiêu sản phẩm,...Đối với những hạn chế, tác giả đã nêu ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán CPSX và tính GTSP tại các HTX NN, góp phần làm cho thông tin kinh tế tài chính tại các HTX NN sẽ chính xác, hợp lý hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Điều lệ các HTX nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.
2. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Quảng Ngãi (2018), Báo cáo tổng kết 10 năm (2008-2017) về kinh tế hợp tác, hợp tác xã thực hiện theo nghị quyết trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Quảng Ngãi (2018), Báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm giai đoạn 2016-2010.
4. Luật HTX 2012.
5. Thông tư 24/2010/TT-BTC, ngày 23 tháng 02 năm 2010 - Hướng dẫn kế toán áp dụng cho HTX nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và nghề muối.
6. Thông tư 24/2017/TT-BTC, ngày 28 tháng 03 năm 2017- Hướng dẫn chế độ kế toán HTX, liên hiệp HTX.
7. Thông tư 83/2015/TT-BTC, ngày 28 tháng 05 năm 2015- Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với HTX.
8. Website: <http://lienminhhtxquangngai.vn>.